

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
LỚP K11CĐ-TIẾNG HÀN/SEVT

(Kèm theo Quyết định số: 7.7.7/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CDKTKT)

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	ĐIỂM TỐT NGHIỆP			ĐIỂM	X.LOẠI	GHI CHÚ
				LLCT	CSN	CN			
1	DTU151C51220210S048	Phùng Ngọc Điệp	7/12/1999	5.0	9.0	7.0	7.56	Khá	

Ấn định danh sách: 01 sinh viên

THƯ KÝ TỔNG HỢP



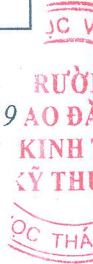
Hoàng Thị Hồng Thúy

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 9 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS. Nguyễn Văn Bình



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
LỚP K12CĐ-TIẾNG HÀN/SEVT**

(Kèm theo Quyết định số: 115/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng trường CDKTKT)

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	ĐIỂM TỐT NGHIỆP			ĐIỂM TBC	X.LOẠI TN	GHI CHÚ
					LLCT	CSN	CN			
1	DTU161C220210S001	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	06/04/1996	5.0	8.0	7.0	7.42	Khá	
2	DTU151C51220210S016	Nguyễn Thị	Bình	06/08/1991	7.0	7.0	7.5	7.48	Khá	
3	DTU161C220210S014	Trịnh Thị	Cảnh	06/01/1994	7.0	7.5	7.0	7.04	Khá	
4	DTU161C220210S213	Lại Quang	Chiến	01/08/1997	5.0	7.0	6.0	6.65	TB khá	
5	DTU161C220210S016	Trần Thị	Chinh	31/03/1994	7.0	7.0	7.0	7.17	Khá	
6	DTU161C220210S216	Nguyễn Văn	Chung	23/03/1995	6.0	7.0	6.0	6.95	TB khá	
7	DTU161C220210S021	Trần Thị	Dinh	15/01/1997	6.5	7.0	7.0	7.39	Khá	
8	DTU161C220210S026	Mông Thị	Dung	12/12/1994	5.0	8.0	6.5	7.48	Khá	
9	DTU151C51220210S039	Lê Tiến	Dũng	14/03/1991	5.5	6.5	7.0	7.58	Khá	
10	DTU161C220210S223	Nguyễn Thị	Duyên	30/07/1996	5.0	8.0	7.0	7.09	Khá	
11	DTU161C220210S030	Bùi Thị	Dương	02/11/1996	6.5	8.5	7.5	7.86	Khá	
12	DTU141C51220210S127	Cao Thị	Dương	08/03/1996	7.0	8.0	7.0	7.14	Khá	
13	DTU161C220210S031	Bùi Thị	Gấm	12/08/1991	5.0	8.0	7.0	6.8	TB khá	
14	DTU161C220210S224	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/1993	5.0	7.5	7.0	8.14	Giỏi	
15	DTU161C220210S034	Nguyễn Thị	Hà	13/03/1995	6.5	8.0	7.5	7.35	Khá	
16	DTU151C51220210S071	Nguyễn Thị	Hằng	03/02/1992	5.5	6.0	6.0	7.14	Khá	
17	DTU161C220210S039	Trần Thị Thúy	Hằng	10/09/1987	5.5	8.0	7.0	7.08	Khá	
18	DTU161C220210S227	Đinh Thị	Hiên	15/09/1997	7.0	7.0	7.0	7.41	Khá	
19	DTU161C220210S044	Nguyễn Thị	Hiên	15/09/1997	7.5	9.0	7.0	7.55	Khá	
20	DTU161C220210S228	Trần Thu	Hiên	11/08/1995	7.5	9.0	7.5	7.99	Khá	
21	DTU161C220210S047	Vi Thị	Hiên	12/09/1995	7.5	8.0	7.0	7.08	Khá	
22	DTU161C220210S050	Lương Thị	Hiệu	14/09/1997	5.0	7.5	7.5	7.45	Khá	
23	DTU161C220210S053	Đậu Thị	Hoa	19/11/1997	5.0	9.0	7.5	7.91	Khá	
24	DTU151C51220210S326	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	03/10/1996	8.0	9.0	7.0	7.05	Khá	
25	DTU161C220210S232	Khẩu Thị	Hóa	10/07/1990	6.0	9.0	7.0	7.13	Khá	
26	DTU161C220210S059	Từ Khánh	Hoàng	09/11/1996	6.0	8.5	7.0	7.34	Khá	
27	DTU161C220210S065	Đào Thị	Huệ	26/09/1996	6.5	8.0	6.5	8.03	Giỏi	
28	DTU161C220210S064	Trần Thị	Huệ	04/07/1995	5.5	8.0	6.5	7.15	Khá	
29	DTU161C220210S076	Lê Thị Mỹ	Huyền	17/04/1996	5.0	8.5	8.0	8.05	Giỏi	
30	DTU161C220210S067	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/04/1996	8.0	7.0	6.5	7.45	Khá	
31	DTU161C220210S069	Mùi Thị	Hương	22/07/1998	5.0	7.0	6.5	7.04	Khá	
32	DTU161C220210S078	Nguyễn Văn	Kết	15/10/1997	5.0	8.0	6.5	7.42	Khá	
33	DTU161C220210S240	Hồ Thị	Lan	06/02/1996	6.0	8.0	7.5	7.76	Khá	
34	DTU161C220210S241	Phạm Thị	Lan	15/04/1996	5.0	9.0	7.5	7.67	Khá	

35	DTU161C220210S089	Lê Thị	Liên	12/04/1993	5.0	9.0	7.0	7.45	Khá	
36	DTU151C51220210S147	Dương Thị	Lim	16/09/1996	6.5	7.0	8.0	7.54	Khá	
37	DTU161C220210S099	Hoàng Thị	Lớp	17/12/1996	6.0	8.0	8.0	7.18	Khá	
38	DTU161C220210S246	Nguyễn Thị	Lương	28/11/1997	7.0	7.5	8.0	7.99	Khá	
39	DTU161C220210S248	Vi Thị Hương	Ly	10/01/1997	5.0	7.5	8.0	6.68	TB khá	
40	DTU161C220210S097	Nguyễn Thị	Lý	05/09/1997	5.0	8.0	8.0	7.34	Khá	
41	DTU151C51220210S164	Hoàng Thị	Mai	30/03/1996	5.0	7.0	6.5	6.5	TB khá	
42	DTU161C220210S250	Nguyễn Thị	Mận	10/02/1998	5.0	8.0	7.5	6.94	TB khá	
43	DTU161C220210S105	Nguyễn Thị	Minh	10/05/1996	7.0	9.0	8.0	8.62	Giỏi	
44	DTU161C220210S109	Mai Thị	Nga	10/06/1997	5.0	8.5	7.0	6.98	TB khá	
45	DTU161C220210S116	Vũ Thị	Nghĩa	15/12/1997	5.0	8.0	7.5	6.51	TB khá	
46	DTU161C220210S118	Lý Thị Bích	Ngọc	17/01/1994	7.0	8.0	7.0	8.38	Giỏi	
47	DTU161C220210S120	Hoàng Văn	Nguyễn	21/11/1995	7.5	9.0	7.0	7.65	Khá	
48	DTU161C220210S123	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	13/12/1991	5.0	9.0	7.0	7.77	Khá	
49	DTU161C220210S258	Nguyễn Thị	Nụ	20/04/1998	5.0	8.0	6.0	6.49	TB khá	
50	DTU161C220210S130	Bùi Hải	Phương	03/01/1995	5.5	7.0	6.5	7.01	Khá	
51	DTU161C220210S132	Nguyễn Thị	Phương	22/02/1998	7.0	7.3	6.0	6.92	TB khá	
52	DTU161C220210S139	Bùi Thị	Quý	03/08/1996	7.0	9.0	7.5	7.03	Khá	
53	DTU161C220210S143	Nguyễn Hiếu	Quỳnh	22/04/1997	6.0	8.8	7.0	7.36	Khá	
54	DTU161C220210S262	Nguyễn Thị	Quỳnh	25/09/1995	5.5	7.5	7.0	6.41	TB khá	
55	DTU161C220210S146	Phan Thị	Quỳnh	05/08/1990	6.5	9.0	7.5	7.42	Khá	
56	DTU161C220210S148	Lục Thị	Son	18/09/1997	5.0	9.0	7.5	8.25	Giỏi	
57	DTU161C220210S149	Nguyễn Văn	Son	11/04/1991	6.0	8.5	7.5	7.16	Khá	
58	DTU161C220210S152	Nguyễn Thị	Tâm	02/12/1996	7.5	9.0	7.5	7.75	Khá	
59	DTU161C220210S162	Hoàng Phương	Thảo	02/02/1996	7.0	9.0	7.0	8.05	Giỏi	
60	DTU151C51220210S251	Nguyễn Thị	Thảo	05/04/1997	7.0	9.0	7.0	7.84	Khá	
61	DTU161C220210S156	Trần Khắc	Thăng	29/01/1995	6.5	9.0	7.0	8.43	Giỏi	
62	DTU161C220210S167	Nguyễn Thị	Thu	02/09/1991	7.0	9.0	7.0	8.44	Giỏi	
63	DTU161C220210S272	Nguyễn Thị	Thu	19/08/1997	6.0	8.5	6.5	6.86	TB khá	
64	DTU161C220210S172	Nguyễn Thị	Thùy	02/11/1997	5.0	7.0	6.0	7.74	Khá	
65	DTU151C51220210S235	Trần Viết	Toàn	31/10/1993	5.0	8.0	6.5	6.66	TB khá	
66	DTU161C220210S176	Trần Thị	Tối	21/05/1997	7.0	8.5	7.5	7.09	Khá	
67	DTU161C220210S278	Đoàn Thị	Trang	03/09/1998	6.0	9.0	7.5	7.3	Khá	
68	DTU161C220210S181	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/07/1998	7.0	9.0	7.5	8.24	Giỏi	
69	DTU161C220210S286	Nguyễn Thị	Tùng	23/05/1995	7.5	8.0	7.0	8.12	Giỏi	
70	DTU161C220210S192	Bùi Thùy	Vân	17/02/1993	7.5	8.0	7.0	8.02	Giỏi	
71	DTU161C220210S193	Nguyễn Bích	Vân	07/04/1996	6.5	9.0	7.5	7.83	Khá	
72	DTU161C220210S200	Vũ Thị Cúc	Vương	19/03/1996	7.0	8.0	7.0	7.07	Khá	

Ấn định danh sách: 72 Sinh viên

THƯ KÝ TỔNG HỢP



Hoàng Thị Hồng Thúy

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 10 năm 2019

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS. Nguyễn Văn Bình